TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÊ LINH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ----------

Bản án số: 205/2025/ST-HNGĐ
Ngày 23/6/2025
V/v: Tranh chấp
hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Duệ.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Kiều Xuân Mai.
2/ Bà Dương Thị Kim Lan.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy – Thư ký Toà án ND huyện Mê Linh
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thùy Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mê Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXX- HNGĐ ngày 06/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **T**, sinh năm 1972. HKTT: , huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Đăng ký tạm trú: , huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.
- Bị đơn: Chị **H**, sinh năm 1979. HKTT: , huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Đăng ký tạm trú: huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Anh T. Vắng mặt: Chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ghi ngày 25/4/2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh T trình bày*:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu; tự nguyện đăng ký kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã , huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký số 98/2016, ngày 23/9/2016. Sau khi tổ chức cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, anh T và chị H về chung sống với nhau tại gia đình anh T; ở , huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội; Đến năm 2019, vợ chồng chuyển đến thị trấn Bát Xát, tỉnh Lào Cai sinh sống; năm 2020, vợ chồng về thuê nhà ở thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống; năm 2023, vợ chồng về ở tại , huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; từ ngày 10/10/2023, đến nay mâu thuẫn ngày càng sâu sắc. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh T và chị H sống không hợp nhau; bất đồng trong quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và không có con chung dẫn đến vợ chồng to tiếng và bất hòa, làm cho cuộc sống gia đình bị ức chế; cuộc sống hôn nhân

không có hạnh phúc. Do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên hai bên không có quan hệ tình cảm hay trách nhiệm gì với nhau.

Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không kết quả; chính quyền địa phương chưa hòa giải, vì anh T và chị H không có đơn yêu cầu. Nay anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc và trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có; anh T kiên quyết yêu cầu được ly hôn chị H.

2/ Về con chung: Anh T xác định vợ, chồng không có con chung.

3/ Về tài sản: Tài sản chung, công sức, nợ, nhà, đất ở, đất nông nghiệp: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm: Giải quyết theo pháp luật.

Ngoài ra anh T không có ý kiến gì khác

** Tại bản tự khai đề ngày 28/5/2025; bị đơn chị H trình bày*:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H không còn tình cảm; không có tiếng nói chung; anh T xin ly hôn, chị H đồng ý.

2/ Về con: Anh T và chị H không có con chung.

3/ Về tài sản: Anh T và chị H không có tài sản gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị H làm ăn ở xa không về được; chị H xin giải quyết vắng mặt. Ngoài ra chị H không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tham gia tố tụng dân sự là bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ và lời khai các đương sự tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điều 147; Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự .

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Qui định về án phí.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh T; anh T được ly hôn chị H.

- *Về con*: Anh T và chị H không có con chung.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, nợ: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Án phí ly hôn: Đương sự phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đợc thẩm tra, đánh giá tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Vụ án thụ lý có quan hệ pháp luật về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

[*2] Về thẩm quyền*: Chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại , huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội và đăng ký tạm trú tại huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Mê Linh theo qui định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục: Chị H hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú; đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa án làm việc, thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; nhưng chị H đều không có mặt để làm việc; Chị H có đơn trình bày cung cấp ý kiến cho Tòa án; tại phiên tòa chị H vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án xét xử vắng mặt chị H và dành quyền kháng cáo cho chị H theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về hôn nhân: Anh T và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện; tự nguyện đăng ký kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã , huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký số 98/2016, ngày 23/9/2016. Vì vậy, hôn nhân của anh T và chị H là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống anh T xác định: Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; từ ngày 10/10/2023, đến nay mâu thuẫn ngày càng sâu sắc. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh T và chị H sống không hợp nhau; bất đồng trong quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và không có con chung dẫn đến vợ chồng to tiếng và bất hòa, làm cho cuộc sống gia đình bị ức chế; cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên hai bên không có quan hệ tình cảm hay trách nhiệm gì với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không kết quả; chính quyền địa phương chưa hòa giải, vì anh T và chị H không có đơn yêu cầu. Nay anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc và trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có; anh T kiên quyết yêu cầu được ly hôn chị H.

Chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn trình bày xác định: Anh T và chị H không còn tình cảm; không có tiếng nói chung; anh T xin ly hôn, chị H đồng ý. Vì vậy, chấp yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị H để giải phóng cho cả hai bên yên ổn làm ăn, ổn định cuộc sống là phù hợp.

[*4.2] Về con chung*: Anh T và chị H đều xác định: Vợ, chồng anh T và chị H không có con chung.

[4.3] Về tài sản: Tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp: Anh T và chị H đều xác định không có và không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết. Vì vậy, Toà án không xem xét giải quyết.

[4.4] Về án phí sơ thẩm: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 203, Điều 220, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm a, khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án

Xử:

[1] Về hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh T.

- Anh T được ly hôn chị H.

[2] Về con chung: Anh T và chị H không có con chung.

[3] Về tài sản: Tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp: Anh T và chị H đều không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

4] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, anh T phải chịu để sung công quỹ nhà n□ớc, nh□ng đ□ợc trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm anh T đã nộp theo biên lai thu số 0055x ngày 21/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh. Anh T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] □n xử sơ thẩm công khai anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt án vắng mặt.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSNDH. Mê Linh.
- TAND TP. Hà Nội.
- THADS huyện Mê Linh
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn.
- L- u hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Huy Duệ